

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn và
tranh chấp nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đặng Thế Nghiệp.

2/. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

Thư ký phiên tòa: ông Đinh Văn Dur –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2017/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Hà Bảo T, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của chị Phan Hà Bảo T và anh Ngô Văn Đ: cháu Ngô Phúc H, sinh ngày 31/10/2007. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa chị Phan Hà Bảo T trình bày: chị và anh Đ do mai mối, được hai bên cha mẹ đồng ý, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 01/02/1997, nữ trang ngày cưới tổng cộng 10 chỉ vàng 24kra, tất cả số nữ trang này vợ chồng đã đồng ý bán để trả nợ hiện nay không còn, sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 1999 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, xúc

phạm danh dự chị, xem thường cha mẹ chị, hành hung con bằng dao và súng hơi làm cho con chị bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, anh Đ quan hệ tình cảm không rõ ràng, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau, gia đình không hạnh phúc, chị cố gắng chịu đựng chung sống với anh Đ, tạo cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng anh Đ không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 02 người con chung tên Ngô Trân C, sinh ngày 03/9/1999 và Ngô Phúc H, sinh ngày 31/10/2007 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về hôn nhân chị xin được ly hôn với anh Ngô Văn Đ; Về con chung tên: Ngô Trân C, sinh ngày 3/9/1999 và Ngô Phúc H, sinh ngày 31/10/2007 hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu H sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đối với Ngô Trân C đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ngô Văn Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại bản tự khai cháu Ngô Phúc H trình bày: Cháu là con của bà Phan Hà Bảo T và ông Ngô Văn Đ, cháu đang học lớp 5 trường tiểu học thị trấn C, hiện đang sống với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Phan Hà Bảo T.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Ngô Văn Đ vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay anh Ngô Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Ngô Phúc H là con của chị T và anh Đ vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay anh Ngô Văn Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do, cháu Ngô Phúc H là con của chị T và anh Đ vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Phan Hà Bảo T và anh Ngô Văn Đ được xác lập vào năm 1997 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C vào ngày 14/02/1997, sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 1999 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, xúc phạm danh dự chị, xem thường cha mẹ chị, hành hung con bằng dao và súng hơi làm cho con chị bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, anh Đ quan hệ tình cảm không rõ ràng, vợ chồng không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau, gia đình không hạnh phúc, chị cố gắng chịu đựng chung sống với anh Đ, tạo cho anh Đ nhiều cơ hội để sửa đổi, nhưng anh Đ không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 đến nay không hàn gắn được.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu được ly hôn. Qua xác minh Chính quyền địa phương thì chị T và anh Đ chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Đ ăn nhậu, cờ bạc và đánh đập vợ con thường xuyên, không chấp hành chính sách pháp luật ở địa phương, từ đó chị T và anh Đ không còn sống chung từ tháng 8 năm 2016 đến nay không hàn gắn được.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị T xin ly hôn với anh Đ là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu cho chị T và anh Đ được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Ngô Trân C, sinh ngày 3/9/1999 và Ngô Phúc H, sinh ngày 31/10/2007 hiện đang sống với chị T. Tại phiên tòa chị T thống nhất theo nguyện vọng của cháu Phúc H sống với ai người đó nuôi dưỡng, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Phúc H muốn được sống với chị T, từ đó nghĩ nên giao chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phúc H sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Đ có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, đối với Ngô Trân C đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Hà Bảo T có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Hà Bảo T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Hà Bảo T và anh Ngô Văn Đ được ly hôn.

- Về con chung: chị Phan Hà Bảo T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngô Phúc H, sinh ngày 31/10/2007.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa không xét đến.

Anh Ngô Văn Đ được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

- Về án phí: chị Phan Hà Bảo T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0012560 ngày 29/9/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh